| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG HẢI**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2023
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Hải Đăng
*Các hội thẩm nhân dân:*
1/. Ông Nguyễn Văn Tâm
2/. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh

***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa:*** Ông Châu Hoa Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2023/TLST-HN ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**1/. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Th,** sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp LL, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

**2/. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T,** sinh năm 1990
Địa chỉ: ấp LL, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*(Chị Th có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hồ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào khoảng năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, đến nay anh chị đã có 02 con chung nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Th xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau khi cưới được vải năm thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã ly thân đến nay 10 năm. Hiện tại vợ chồng không hàn gắn mâu thuẫn được nữa và chị cũng không còn tình cảm gì với anh T, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có hai người con chung là Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 04/11/2007 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 07/4/2012. Từ lúc vợ chồng ly thân thì cả hai con là do chị trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Hiện tại chị vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con, nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con, không yêu cầu chồng chị phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Th xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Khi ly hôn chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T: Mặc dù anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh T theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: chị Th và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh T.

Về con chung: Từ lúc chị Th và anh T ly thân với nhau thì hai người con là Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 04/11/2007 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 07/4/2012 do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị Th vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao hai người con tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 04/11/2007 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 07/4/2012 cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị Th và anh T không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Th có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh T. Anh T có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị Th có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Th.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung vụ án: chị Th và anh T chung sống với nhau vào khoảng năm 2007, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến nay anh chị đã có 02 con chung, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân cách đây khoảng hơn 10 năm. Nay chị Th có yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị Th và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị Th và anh T không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị Th xin ly hôn với anh T thì Hội đồng xét xử không tuyên giải quyết cho chị Th và anh T ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh T là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc chị Th và anh T ly thân với nhau thì hai người con là Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 04/11/2007 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 07/4/2012 do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị Th vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Đồng thời nguyện vọng của cả hai người con cũng mong muốn được tiếp tục sống cùng với chị Th. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao hai người con tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 04/11/2007 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 07/4/2012 cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Th và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Hồ Thị Th và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: Giao cả hai người con là Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 04/11/2007 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 07/4/2012 chị Hồ Thị Th được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Hồ Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 000142 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Hồ Thị Th và anh Nguyễn Văn T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***đã ký***

**Lưu Hải Đăng**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã AT
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;